

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Số: *1654*/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán kinh phí, hỗ trợ phục vụ học tập đối với 68 học sinh xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia thuộc đối tượng phải di chuyển tái định cư để giải phóng mặt bằng khu C - Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 3161/2014/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nghi Sơn; Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 11/01/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án giải phóng mặt bằng và di dân tái định cư Khu C thuộc dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn;

Theo Công văn số 10625/UBND-KTTC ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc hỗ trợ kinh phí phục vụ học tập đối với các cháu học sinh xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia thuộc đối tượng phải di chuyển đến khu tái định cư để GPMB khu C - Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn nhưng chưa di chuyển;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1607/TTr-STC ngày 28/4/2016 đề nghị phê duyệt dự toán kinh phí, hỗ trợ phục vụ học tập đối với 68 học sinh xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia thuộc đối tượng phải di chuyển tái định cư để giải phóng mặt bằng khu C - Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí, hỗ trợ phục vụ học tập đối với 68 học sinh xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia thuộc đối tượng phải di chuyển tái định cư để giải phóng mặt bằng khu C - Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn như sau:

1. Tổng kinh phí: 184.518.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi bốn triệu, năm năm mươi tám nghìn đồng*).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí ứng trước của Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

Điều 2. Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn, UBND huyện Tĩnh Gia, các ngành và các đơn vị có liên quan căn cứ vào nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

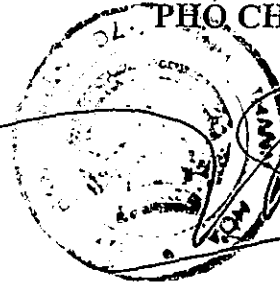
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn; Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, KTTC (HungYT11528)
QDKP 16-057

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

PHỤ LỤC

**DỰ TOÁN KINH PHÍ, HỖ TRỢ PHỤ VỤ HỌC TẬP ĐỐI VỚI 68 HỌC SINH
XÃ HẢI YẾN, HUYỆN TỈNH GIA**

(Kèm theo Quyết định số : 4654/QĐ-UBND ngày 16 /5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Họ và tên học sinh	Con ông - bà	Thôn	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền
I	Trường Trung học cơ sở xã Hải Yến					127.500.000
1	Trần Thị Thu Huyền	Đức - Xuân	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
2	Trần Ngọc Hưng	Biên - Vân	Trung Hậu	9	300.000	2.700.000
3	Cao Lê An	Quang - Dung	Trung Hậu	7	300.000	2.100.000
4	Cao Tuấn Anh	Huy - Thiệp	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
5	Lê Hải Tâm	Hải - Tâm	Trung Yến	9	300.000	2.700.000
6	Lê Quang Văn	Phú - Thu	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
7	Trần Thị Thảo	Dũng - Châu	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
8	Trần Thị Trang	Triều - Long	Trung Hậu	9	300.000	2.700.000
9	Trần Thanh Hiền	Hồng - Nga	Nam Yến	9	300.000	2.700.000
10	Cao Bình Dương	Lợi - Bình	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
11	Cao Thị Thảo	Chung - Lợi	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
12	Lê Huy Hoàng	Quý - Thanh	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
13	Võ Thị Thu Thảo	Hiền - Thu	Nam Yến	9	300.000	2.700.000
14	Nguyễn Thị Yến	Lợi - Hoi	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
15	Trần Thị Mai	Dũng - Châu	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
16	Trần Trung Hiếu	Giang - Nhân	Nam Yến	9	300.000	2.700.000
17	Nguyễn Bá Thành	Dương - Hằng	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
18	Lê Nguyễn Phương Anh	Thành - Hương	Nam Yến	9	300.000	2.700.000
19	Trần Văn Quyền	Lan - Đạt	Đông Yến	7	300.000	2.100.000
20	Mai Việt Giang	Khoa - Hiền	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
21	Trần Văn Minh	Lữ - Nga	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
22	Lê Quang Thuận	Thành - Thu	Đông Yến	7	300.000	2.100.000
23	Lê Quang Ngọ	Tiến - Sáu	Trung Hậu	8	300.000	2.400.000
24	Trần Văn Quang	Giàu - Đạt	Trung Hậu	9	300.000	2.700.000
25	Lê Thị Linh Phương	Thắng - Tình	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
26	Trần Thu Trang	Bình - Hiền	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
27	Nguyễn Lệ Nguyệt	Thông - Lý	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
28	Nguyễn Hà Châu	Thắng - Hà	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
29	Trần Văn Đức	Minh - Huyền	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
30	Lê Duy Thái	Thành - Minh	Đông Yến	9	300.000	2.700.000
31	Hoàng Thành Mạnh	Tinh - Thọ	Nam Yến	9	300.000	2.700.000
32	Nguyễn Thị Hà Trang	Đồng - Thuận	Nam Yến	9	300.000	2.700.000

33	Mai Hải Anh	Quang - Bình	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
34	Lê Công Khánh	Cự - Nguyệt	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
35	Lê Thị Thảo	Tỉnh - Nhiên	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
36	Nguyễn Thị Hoài Nam	Hương	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
37	Nguyễn Phương Thúy	Long - Hương	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
38	Nguyễn Bá Hiệu	Thắng - Nguyệt	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
39	Nguyễn Thị Diệu	Duẩn - Thanh	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
40	Lê Minh Hoàng	Long - Hiền	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
41	Lê Thị Thảo	Chín - Tơ	Trung Hậu	9	300.000	2.700.000
42	Lê Hữu Quý	ý - Đan	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
43	Nguyễn Thị Hải Yến	Thắm - Xuân	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
44	Lê Thúy Ngọc	Tú - Hải	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
45	Lê Thị Hồng Khánh	Long - Hải	Trung Yên	9	300.000	2.700.000
46	Mai Việt An	Khoa - Hiền	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
47	Hoàng Trịnh Dương	Vinh - Thắm	Trung Hậu	9	300.000	2.700.000
48	Lê Hữu Hưng	Triều - Liên	Trung Yên	9	300.000	2.700.000
II	Trường Tiểu Học xã Hải Yến					53.400.000
1	Lê Thị Kiều Anh	Lê Hữu Chương	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
2	Nguyễn Minh Cường	Nguyễn Thị Nga	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
3	Lê Công Thành	Lê Công Đăng	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
4	Hoàng Quốc Việt	Hoàng Huy Thái	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
5	Cao Thị Vy	Cao Văn Tuấn	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
6	Lê Hữu Hưng	Lê Hữu Hùng	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
7	Trần Thùy Dung	Trần Quốc Tuấn	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
8	Trần Văn Vinh	Trần Văn Lương	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
9	Trần Ngọc Tâm	Trần Ngọc Chiến	Nam Yên	9	300.000	2.700.000
10	Cao Phương Giang	Cao Văn Nam	Trung Hậu	9	300.000	2.700.000
11	Trần Hoài Linh	Trần Văn Lương	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
12	Lê Nhật Quang	Lê Thanh Hải	Trung Hậu	7	300.000	2.100.000
13	Lê Hữu Hợi	Lê Hữu Hùng	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
14	Hoàng Lê Anh Tuấn	Hoàng Huy Thái	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
15	Nguyễn Văn Tú	Trần Thị Dinh	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
16	Lê Thị Hậu	Hoàng Thị Tinh	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
17	Lê Trường Vũ	Lê Hữu Long	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
18	Lê Hoàng Anh	Lê Văn Hậu	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
19	Lê Thị Quý	Lê Xuân Niên	Đông Yên	9	300.000	2.700.000
20	Cao Thu Phương	Cao Văn Nam	Trung Hậu	9	300.000	2.700.000
TỔNG CỘNG		Đồng				180.900.000
KINH PHÍ 2%		Đồng				3.618.000
TỔNG KINH PHÍ		Đồng				184.518.000

(Bảng chữ: Một trăm tám mươi bốn triệu năm trăm mười tám nghìn đồng)

thư